TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 37 /2022/HNGĐ-ST
Ngày: 13/7/2022
V/v *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Mai Thị Viện

Ông Nguyễn Danh Lơi

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Dương Xuân Tú, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện VKSND tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 7 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 17/2022/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2022, về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 13/6/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2022/QĐST-HNGĐ ngày 27/6/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Thái Thị V - sinh năm: 1992, vắng mặt

Địa chỉ: Số nhà 22C ngõ Thanh Xuân, phường Trường Thi, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Sơn T; sinh năm: 1991, vắng mặt.

Nơi ĐKHKTT: Số nhà 22C ngõ Thanh Xuân, phường Trường Thi, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Hiện ở: Hàn Quốc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 31/3/2022, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn là chị Thái Thị V trình bày:

1. Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Sơn T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 28/3/2013 tại Ủy ban nhân dân phường Trường Thi, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 2, 3 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm, kinh tế khó khăn. Năm 2019, anh T đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc. Năm 2020, anh T về nước nghỉ phép được khoảng một tháng sau đó đi Hàn Quốc từ đó cho đến nay, vợ chồng sống ly thân, anh T không có trách nhiệm gì với chị. Do đó, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Nay chị và anh T chỉ liên hệ với nhau bằng điện thoại về con cái, còn địa chỉ cụ thể của anh T bên Hàn Quốc chị không biết. Do mâu thuẫn vợ chồng chị đã gọi điện cho anh T để giải quyết việc ly hôn nhưng anh T không đồng ý và cũng không cung cấp địa chỉ cụ thể bên Hàn Quốc cho chị.

Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Sơn T.

2. Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Nguyễn Hữu Trung Đ, sinh ngày 24/8/2012 và Nguyễn Thị Mai A, sinh ngày 16/8/2015. Nay vợ chồng ly hôn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng 02 cháu. Chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con.

3. Về tài sản, công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Chị V trình bày không biết địa chỉ cụ thể của anh Nguyễn Sơn T tại Hàn Quốc nên không thể cung cấp cho Tòa án. Anh T vẫn thường xuyên liên lạc với mẹ đẻ là bà Phạm Thị H, địa chỉ ở số nhà 22C, ngõ Thanh Xuân, phường Trường Thi, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Đề nghị Tòa án tiến hành thu thập thêm thông tin từ mẹ anh T.

Tại các biên bản lấy lời khai, bà Phạm Thị H trình bày:

Bà là mẹ đẻ của anh Nguyễn Sơn T. Chị Thái Thị V là vợ anh T và là con dâu bà. Sau khi kết hôn, anh T và chị V ở chung với bà tại số nhà 22C, ngõ Thanh Xuân, phường Trường Thi, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Năm 2016, vợ chồng anh T chuyển xuống khu phố Trung Thịnh, phường Quảng Tiến, TP Sầm Sơn. Năm 2019, anh T đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc và có về Việt Nam 01 tháng sau đó sang Hàn Quốc, từ đó đến nay chưa về Việt Nam. Đến năm 2021, ba mẹ con chị V về ở với bà từ đó cho đến nay. Chị V làm đơn xin ly hôn tại Tòa án có trao đổi với bà và bà đã thông tin cho anh T. Quan điểm của bà là đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Bà không biết địa chỉ cụ thể của anh T ở Hàn Quốc nên không thể cung cấp cho Tòa án nhưng

bà vẫn thường xuyên liên lạc với anh T nên đồng ý nhận các văn bản của Tòa án và có trách nhiệm thông báo cho anh T. Anh T và chị V có 02 con chung là Nguyễn Hữu Trung Đ, sinh ngày 24/8/2012 và Nguyễn Thị Mai A, sinh ngày 16/8/2015, các cháu đang ở với chị V. Nay vợ chồng anh T ly hôn do anh T đang ở nước ngoài nên Tòa án giao cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng. Theo bà anh T và chị V không có tài sản chung.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Thái Thị V, xử cho chị V được ly hôn anh T; giao 02 con cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con. Căn cứ các Điều 56; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân gia đình. Chị V phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền của Tòa án:

Chị Thái Thị V là nguyên đơn đang cư trú tại tỉnh Thanh Hóa, bị đơn là anh Nguyễn Sơn T đăng ký hộ khẩu tại thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa nhưng hiện nay đang lao động tại Hàn Quốc. Do trong vụ án có nguyên đơn cư trú tại tỉnh Thanh Hóa, bị đơn cư trú ở nước ngoài. Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

[1.2]. Về việc tống đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn:

Chị V chỉ cung cấp được địa chỉ nơi cư trú cuối cùng của anh T ở Việt Nam nhưng không cung cấp được địa chỉ của anh T tại nước ngoài. Tòa án đã yêu cầu bà H là mẹ đẻ của anh T cung cấp địa chỉ của anh T nhưng bà H trình bày không biết địa chỉ của anh T ở Hàn Quốc. Tuy anh T thường xuyên liên lạc với gia đình nhưng cố tình không cung cấp địa chỉ của anh hiện nay ở nước ngoài. Bà H vẫn thường xuyên liên lạc với anh T nên đã nhận các văn bản tố tụng để thông báo cho anh T, vì vậy, Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục bị đơn cố tình giấu địa chỉ.

[1.3]. Về sự vắng mặt của đương sự:

Tại phiên tòa nguyên đơn là chị Thái Thị V vắng mặt, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn là anh Nguyễn Sơn T mặc dù đã được Tòa án tống

đạt văn bản tố tụng qua người thân đến lần thứ hai nhưng vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228; điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về hôn nhân: Chị Thái Thị V và anh Nguyễn Sơn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện; có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nên là hôn nhân hợp pháp.

Trong lời khai và các tài liệu gửi đến Tòa án, chị V đều trình bày sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian. Sau đó phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm. Năm 2019 anh T đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, chị không có địa chỉ của anh T tại Hàn Quốc nên không cung cấp địa chỉ của anh T tại Hàn Quốc cho Tòa án. Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị V và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, vợ chồng ly thân đã lâu, không ai quan tâm đến ai, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 51; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận cho chị V được ly hôn anh T.

[2.2]. Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Nguyễn Hữu Trung Đ, sinh ngày 24/8/2012 và Nguyễn Thị Mai A, sinh ngày 16/8/2015, các cháu đang ở với chị V. Chị V có nguyện vọng được trực tiếp nuôi hai cháu. Mặt khác, nguyện vọng của hai cháu xin được ở với mẹ. Xét thấy nguyện vọng của chị V xin được trực tiếp nuôi hai cháu là chính đáng vì hiện nay anh T đang lao động tại Hàn Quốc không thể trực tiếp nuôi con được. Do đó để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho cháu, cần giao cả hai cháu cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Chị V tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con, xét thấy đây là sự tự nguyện của chị V nên chấp nhận. Căn cứ Điều 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình

[2.3]. Về tài sản, công nợ chung: Chị V không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xét. Anh T không có văn bản thể hiện quan điểm giải quyết về tài sản chung, công nợ chung nên sau này nếu anh T yêu cầu thì có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án khác.

[3]. Về án phí: Chị V là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí chị đã nộp.

[4]. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; khoản 1 Điều 37; khoản 1 Điều 228; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 4 Điều 147; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Thái Thị V.

- Về hôn nhân: Cho chị Thái Thị V được ly hôn anh Nguyễn Sơn T.

- Về con chung: Giao các cháu Nguyễn Hữu Trung Đ, sinh ngày 24/8/2012 và Nguyễn Thị Mai A, sinh ngày 16/8/2015 cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

Anh T có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản: Không yêu cầu, Tòa án không giải quyết.

2. Về án phí: Chị Thái Thị V phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí chị V đã nộp theo Biên lai thu số 1134 ngày 28/4/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa.

3. Quyền kháng cáo:

Chị Thái Thị V có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Anh Nguyễn Sơn T có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Thanh Hoá;
- Cục THADS tỉnh Thanh Hóa;
- UBND phường Trường Thi, TP Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- Tổ HC-TP; - Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tòa GĐ & NCTN.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thủy